

BẢO TỒN CÁC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN THỊ HÀO*

Lễ hội truyền thống Việt Nam là chủ đề luôn được sự quan tâm sâu sắc không chỉ của các học giả, nhà nghiên cứu mà còn có sự quan tâm không nhỏ của Đảng và Nhà nước ta. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc bảo tồn các lễ hội truyền thống là vấn đề bức thiết và có ý nghĩa to lớn trong việc góp phần bảo vệ bản sắc văn hóa Việt Nam trước xu thế giao thoa văn hóa đa chiều và xu thế "thế giới phẳng" hiện nay. Bài viết tập trung trình bày đặc điểm, giá trị của lễ hội truyền thống Việt Nam, thực trạng bảo tồn và một số khuyến nghị nhằm bảo tồn lễ hội truyền thống Việt Nam trước tình hình mới.

Từ khóa: lễ hội, lễ hội truyền thống, toàn cầu hóa, văn hóa Việt Nam

Nhận bài ngày: 04/7/2024; đưa vào biên tập: 06/7/2024; phản biện: 16/9/2024; duyệt đăng: 10/01/2025

1. DẪN NHẬP

Lễ hội truyền thống là một di sản văn hóa quý báu đã tồn tại, đồng hành, tạo nên ký ức văn hóa của dân tộc: vượt thời gian, lan tỏa và có sức sống lâu bền trong đời sống nhân dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, khi đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng cao, thì tham gia

lễ hội trở thành một nhu cầu về mặt tinh thần không thể thiếu. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, tốt đẹp trong phục hồi và phát huy lễ hội truyền thống, vẫn còn không ít các vấn đề khiến xã hội cần phải nhìn nhận lại và tìm cách khắc phục. Mọi hành động của con người đều bắt đầu từ nhận thức, chỉ khi chúng ta có nhận thức đúng về lễ hội truyền thống thì việc phục hồi và phát huy mới mang lại hiệu quả như mong muốn.

Lễ hội là một trong những "hoạt động văn hóa cao", "hoạt động văn hóa nổi

* Viện Triết học. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

trội" trong đời sống con người, là sự cộng hưởng các giá trị về mặt lịch sử, phong tục, văn chương, nghệ thuật, là bảo tàng sống về các giá trị tinh thần, dân chủ, nhân văn đã được kết tinh trong suốt chiều dài lịch sử. Lễ hội thỏa mãn các nhu cầu về tín ngưỡng, tâm linh, giải trí, giao lưu, học hỏi; tạo ra tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Quan trọng hơn cả là nhu cầu sáng tạo và thụ hưởng văn hóa góp phần nâng cao đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư. Có thể nói, lễ hội là "một sinh hoạt tập thể long trọng, thường đem lại niềm phấn chấn cho tất cả mọi người, cho mỗi một con người. Những quy cách và nghi thức của lễ hội mà mọi người phải tuân theo, tạo nên niềm cộng cảm của toàn thể cộng đồng, làm cho mỗi người gắn bó chặt chẽ hơn với cộng đồng và do đó thấy mình vươn lên ở một tầm vóc cao hơn với một sức mạnh lớn hơn" (Đình Gia Khánh, 1989: 180-181).

Lễ hội truyền thống là hiện tượng lịch sử, hiện tượng văn hóa có mặt ở Việt Nam từ lâu đời và có vai trò không nhỏ trong đời sống xã hội. Môi trường của lễ hội truyền thống Việt Nam về cơ bản chính là nông thôn, làng xã. Về bản chất, lễ hội truyền thống của Việt Nam gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng. Hằng ngày, các vị thần được yên vị trong không gian thờ phụng như đình, chùa, đền, miếu... nhưng đến lễ hội thì các vị thần ấy đi vào cộng đồng, hòa nhập trong tinh thần cộng đồng. Dân cư đến với các thần để bày tỏ sự tôn kính và mong ước

của mình - tôn kính một nguồn năng lượng siêu nhiên, ước vọng những điều tốt lành trong cuộc sống. Do gắn với tín ngưỡng, các lễ hội truyền thống mang tính thiêng và mang theo tinh thần hướng thượng.

Thông thường người ta chia lễ hội thành hai bộ phận: lễ và hội. Phần lễ là các nghi thức được thực thi trong các buổi lễ, thường là có sự giống nhau giữa các lễ hội, theo điển lệ của các triều đình phong kiến... Phần hội là phần khác nhau rõ nét giữa các lễ hội. Thành tố đáng lưu ý trong các phần hội là trò diễn. Trò diễn là hoạt động mang tính nghi lễ, diễn lại toàn bộ hay một phần của hoạt động của nhân vật được phụng thờ (xem Trần Quốc Vượng, 2006: 98).

Theo đó, dễ dàng nhận thấy lễ hội là môi trường mà ở đó các yếu tố văn hóa truyền thống không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, được bảo tồn và phát triển, vận hành cùng tiến trình lịch sử của mỗi địa phương trong dòng lịch sử của đất nước. Lễ hội chính là tinh hoa được đúc rút, kiểm chứng và hoàn thiện theo chiều dài lịch sử. Lễ hội có sức lôi cuốn, hấp dẫn và trở thành nhu cầu, khát vọng của người dân, là sự tổng hợp và khái quát cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong xã hội ở từng giai đoạn của lịch sử.

Trong số khoảng 7.000 lễ hội truyền thống⁽¹⁾ (Dương Thị Hồng Nhung, 2021; Thu Phương, 2024) của nước ta hiện nay, xét về nguồn gốc đều là lễ hội nông nghiệp, quy mô ban đầu là

hội làng. Tuy nhiên, trong tiến trình lịch sử, các lễ hội nông nghiệp này dần biến đổi, làm phong phú hơn bằng những nội dung lịch sử (nhất là lịch sử chống ngoại xâm), nội dung xã hội (nhất là các quan hệ cộng đồng), nội dung văn hóa tạo nên diện mạo vô cùng phong phú và đa dạng như ngày nay.

Theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn (trong bài phỏng vấn đăng trên cổng thông tin điện tử Quốc hội ngày 26/2/2024) việc bảo tồn các lễ hội truyền thống Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cũng như tạo ra các lợi ích xã hội và kinh tế đa chiều. Bài viết tập trung trình bày đặc điểm, giá trị của lễ hội truyền thống Việt Nam, thực trạng bảo tồn và đề xuất một số khuyến nghị giải pháp với mong muốn khẳng định nét đặc sắc riêng của dân tộc, góp phần bảo tồn lễ hội truyền thống trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2. VÀI NÉT VỀ ĐẶC ĐIỂM VÀ GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

2.1. Đặc điểm lễ hội truyền thống Việt Nam

Một là, lễ hội truyền thống gắn với đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, mang tính thiêng, do vậy lễ hội truyền thống hướng đến thế giới thần linh, thiêng liêng, đối lập với đời sống trần gian. Tính tâm linh và linh thiêng của lễ hội quy định "ngôn ngữ" của lễ hội là *ngôn ngữ biểu tượng, tính thăng hoa*, vượt lên thế giới hiện thực, trần

tục của đời sống thường ngày. Ví dụ, diễn xướng ba trận đánh giặc Ân trong Hội Gióng, diễn xướng cờ lau tập trận trong lễ hội Hoa Lư, diễn xướng rước Chúa gái (Mỹ Nương) trong Hội Tản Viên... Chính các diễn xướng mang tính biểu tượng này tạo nên không khí linh thiêng, hứng khởi và thăng hoa của lễ hội.

Hai là, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hóa *mang tính hệ thống, tính phức hợp*. Lễ hội truyền thống là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể, bao gồm gần như tất cả các phương diện khác nhau của đời sống xã hội như: sinh hoạt tín ngưỡng, nghi lễ, phong tục, giao tiếp và gắn kết xã hội, các sinh hoạt diễn xướng dân gian (hát, múa, trò chơi, sân khấu...), các cuộc thi tài, vui chơi, giải trí, ẩm thực, mua bán....

Ba là, chủ thể của lễ hội truyền thống là *cộng đồng*, đó là cộng đồng làng (lễ hội bơi Đăm, lễ hội Lăm Chay...), cộng đồng nghề nghiệp (lễ hội làng nghề Bát Tràng, lễ hội Nghinh Ông Cần Giò...), cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng (Hội Chùa Thầy, Hội Chùa Hương...), cộng đồng thị dân và lớn hơn cả là cộng đồng quốc gia dân tộc (giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội Đền Hùng...). Cộng đồng chính là chủ thể sáng tạo, hoạt động và hưởng thụ các giá trị văn hóa của lễ hội. Lễ hội truyền thống là những mốc đánh dấu chu trình đời sống sản xuất và đời sống xã hội của mỗi cộng đồng người (lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày, lễ hội mừng lúa mới của dân tộc Xơ

Đăng, Ba Na...), mà một khi cái mốc mang tính lễ nghi đó chưa được thực hiện thì các quá trình sản xuất và quá trình xã hội đó sẽ bị đình trệ, sự sinh tồn và các quan hệ xã hội sẽ bị phá vỡ. Ví dụ, trong cộng đồng người Việt, một đôi nam nữ thanh niên chưa làm lễ tơ hồng, lễ trình gia tiên thì không thể trở thành vợ chồng, còn trong cộng đồng người Tày một người chết nếu chưa được thầy Tào đến thực hiện nghi lễ gọi hồn đưa hồn thì nghi lễ mai táng sẽ không được thực hiện. Do vậy, một nghi lễ, lễ hội bao giờ cũng mang tính chuyển tiếp của một chu trình sản xuất vật chất hay xã hội nhất định.

Ba đặc trưng trên quy định *tính chất, sắc thái văn hóa, cách thức tổ chức, thái độ và hành vi, tình cảm* của những người tham gia lễ hội, phân biệt với các loại hình lễ hội khác như lễ hội sự kiện, các loại Festival... Ngày nay, lễ hội truyền thống vẫn tồn tại (lễ hội Khai ấn Đền Trần, lễ hội Vía Bà Chúa Xứ...), vẫn thu hút, vẫn đáp ứng nhu cầu và tình cảm của người dân, đó là do lễ hội truyền thống hội tụ nhiều giá trị.

2.2. Giá trị của lễ hội truyền thống ở Việt Nam

Thứ nhất, giá trị cố kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng

Lễ hội truyền thống nào cũng thuộc về một cộng đồng người nhất định, từ cộng đồng làng xã (hội làng), cộng đồng nghề nghiệp (hội nghề), cộng đồng tôn giáo (hội chùa, hội đền, hội nhà thờ), cộng đồng dân tộc (hội Đền

Hùng) đến cộng đồng nhỏ hẹp hơn, như gia tộc, dòng họ... Lễ hội là dịp biểu dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên sự cố kết cộng đồng.

Mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những nền tảng gắn kết: gắn kết do cùng cư trú trên một lãnh thổ (cộng cư), gắn kết về sở hữu tài nguyên và lợi ích kinh tế (công hữu), gắn kết bởi số mệnh phải chịu sự chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó (cộng mệnh), gắn kết bởi nhu cầu sự đồng cảm trong các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa (cộng cảm)... Lễ hội là môi trường góp phần quan trọng tạo nên tinh thần cộng mệnh và cộng cảm của cộng đồng.

Các lễ hội truyền thống diễn ra theo chu kỳ thời gian là dịp gặp gỡ, giao hòa giữa con người với con người để mối dây liên hệ về mặt tinh thần luôn luôn được bền chắc. Giá trị cố kết cộng đồng là một giá trị hết sức cơ bản của lễ hội. Khi mỗi người đều có chung một nhận thức, một niềm tin, có cùng một tình cảm trước biểu tượng thiêng liêng, chung tay tham gia vào trình diễn lễ hội, giao hòa tinh thần giữa người với người, giữa thế giới thực tại và thế giới thần thiêng... thì mối quan hệ sẽ trở nên gắn bó, kết đoàn, tạo nên sức sống mạnh mẽ của tập thể, của nhân quần. Sự trình diễn lễ hội thành công là niềm tự hào chung của cả cộng đồng trong tư cách là chủ thể của lễ hội đó. Khi đó, mỗi người sẽ có ý thức được tôn trọng

hơn, vui sống bên nhau và cùng nhau.

Trong điều kiện xã hội hiện đại, con người càng ngày càng khẳng định “cái cá nhân”, “cá tính” của mình thì không vì thế cái “cộng đồng” bị phá vỡ, mà chỉ biến đổi các sắc thái và phạm vi: con người vẫn phải nương tựa vào cộng đồng, có nhu cầu cố kết cộng đồng. Trong điều kiện như vậy, lễ hội truyền thống vẫn giữ nguyên giá trị là biểu tượng của sức mạnh cộng đồng và tạo nên sự cố kết cộng đồng.

Thứ hai, giá trị hướng về cội nguồn

Tất cả lễ hội truyền thống đều hướng về nguồn cội (giỗ Tổ Hùng Vương, lễ hội Tản Viên Sơn Thánh,...). Đó là nguồn cội hiển nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra như: dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên và cả nguồn cội văn hóa, nhớ ơn... Hơn thế nữa, hướng về nguồn cội vốn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam - “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”. Chính vì thế, lễ hội thường gắn với hành hương - du lịch.

Với sự trình diễn lặp lại về mặt thời gian, với cảm hứng kỷ niệm, suy nghiệm, với tâm cảm tri ân “Uống nước nhớ nguồn”,... lễ hội có một giá trị bảo lưu truyền thống một cách sâu đậm, mạnh mẽ. Những thông tin về nguồn cội con người, quốc gia, dân tộc, vùng miền, làng xóm, gia tộc, gia đình... để lại dấu ấn rõ nét trong lễ hội. “Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba”. Cội nguồn quốc gia, đất nước, dân tộc hòa đồng cùng cội nguồn gia tộc, gia đình khi

chúng ta hướng về giỗ Tổ Hùng Vương, khi chúng ta coi nhau là “đồng bào”. Trong lòng Tổ quốc đó, tất cả mọi ngành nghề, mọi tín ngưỡng, cả mọi cảnh quan tự nhiên, địa lý, văn hóa, mọi giống loài trên rừng, dưới biển đều được lễ hội lột tả và trình diễn từ chiều sâu niềm tin lịch sử qua các thần thoại và truyền thuyết. Đó là cốt lõi tinh thần không thể thiếu trong sinh hoạt lễ hội truyền thống.

Trong mỗi tâm hồn cá nhân, lễ hội luôn là một miền ký ức đẹp đẽ. Có lẽ không ai trong cuộc đời không từng náo nức cùng tiếng trống hội, không từng đứng trong cơ ngũ đồng ấu của đám rước, mặc sắc phục làm lính trong một cuộc đấu cờ người, thấp nén hương trước bàn thờ tiên hiền tiên liệt, hưởng tấm bánh lộc thánh từ tay mẹ hiền. Tham gia hội lễ, chúng ta lại tiếp bước người xưa, chăm lo cho không gian linh thiêng, nối người và thần, nối âm với dương, nối trời cùng đất, làm gương cho thế hệ nối tiếp. Ông cha ta có câu “Lá rụng về cội”, “Sống gửi thác về”... là vậy.

Ngày nay, trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật, tin học hóa, toàn cầu hóa, con người bùng tỉnh về tình trạng tách rời giữa bản thân mình với tự nhiên, với môi trường; với lịch sử xa xưa, với truyền thống văn hóa độc đáo đang bị mai một. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội truyền thống là một biểu tượng, có thể đáp ứng nhu cầu bức thiết ấy. Đó cũng chính là tính nhân văn bền vững và sâu sắc của lễ hội có thể đáp

ứng nhu cầu của con người ở mọi thời đại.

Thứ ba, giá trị cân bằng đời sống tâm linh

Bên cạnh đời sống vật chất, đời sống tinh thần còn hiện hữu đời sống tâm linh. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng - chân thiện mỹ - cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo tín ngưỡng.

Xã hội hiện đại với nhịp sống công nghiệp, các hoạt động của con người dường như được "chương trình hóa" theo nhịp hoạt động của máy móc, căng thẳng và đơn điệu, tuy ồn ào, chật chội nhưng vẫn cảm thấy cô đơn.

Trở về với các lễ hội truyền thống, con người hiện đại dường như được tắm mình trong dòng nước mát đầu nguồn của văn hóa dân tộc, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, ngưỡng vọng những biểu tượng siêu việt cao cả - chân thiện mỹ.

Thứ tư, giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa cộng đồng của nhân dân. Chính vì thế, lễ hội bao giờ cũng thấm đượm tinh thần dân chủ và nhân bản sâu sắc. Đặc biệt trong không khí của lễ hội, khi mà tất cả mọi người chan hòa trong không khí thiêng liêng, hừng khởi thì các cách biệt xã hội giữa cá nhân ngày thường dường như được xóa nhòa: con người cùng sáng tạo và hưởng thụ

những giá trị văn hóa của mình trong cùng tâm thức đồng cảm, cộng cảm.

Với đặc điểm là một hình thức nghệ thuật trình diễn mang tính tổng hợp, lễ hội là nơi bùng nổ của mọi loại hình nghệ thuật, mọi yếu tố văn hóa của cộng đồng. Màu sắc, âm thanh, mùi vị, động thái, không gian tràn ngập nơi nơi. Các thành phần nghệ thuật như: ngôn từ, âm nhạc nhảy múa, sân khấu, hội họa, kiến trúc..., các trò chơi dân gian, các bộ môn thể thao, các triển lãm thành quả lao động trước thần linh và trước cộng đồng được bài trí và phô diễn một cách tương bừng, náo nhiệt. Điều này có phần nào đối lập với đời sống của xã hội hiện đại, khi mà phân công lao động xã hội đã được chuyên môn hóa, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người đã phần nào tách biệt. Con người, đứng từ góc độ văn hóa đại chúng, không còn thực sự là chủ thể của quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa một cách bình đẳng nữa. Xu hướng đó phần nào xói mòn tinh thần nhân bản của văn hóa, làm tha hóa chính bản thân con người. Do vậy, con người trong xã hội hiện đại, cùng với xu hướng dân chủ hóa về kinh tế, về xã hội thì cũng diễn ra quá trình dân chủ hóa về văn hóa. Từ cái nhìn thực tế đó cho thấy, chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội truyền thống là môi trường vốn đã ẩn chứa những nhân tố dân chủ trong sáng tạo và định hướng hưởng thụ các giá trị văn hóa ấy một cách hài hòa và đầy tính nhân văn.

Thứ năm, giá trị bảo tồn và truyền bá văn hóa

Lễ hội truyền thống không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hóa dân tộc, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hóa dân tộc ấy.

Cuộc sống của con người Việt Nam không phải lúc nào cũng là ngày hội, mà trong chu kỳ một năm, ngoài những ngày tháng nhọc nhằn, vất vả, lo âu, người người lại tụ hội nơi đình, chùa,... mở hội. Nơi đó, một "bảo tàng sống" về văn hóa dân tộc được hồi sinh, sáng tạo và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Cộng đồng 54 dân tộc anh em cư trú trên lãnh thổ Việt Nam lưu giữ một hệ thống lễ hội hết sức giàu có. Các vùng miền khắp đất nước bảo tồn được tính chất đa dạng của lễ hội truyền thống, sự phong phú của các tín ngưỡng, tôn giáo với sắc thái lễ hội muôn màu muôn vẻ. Lịch sử trường kỳ dựng nước, giữ nước và phát triển dân tộc. Quá trình giao lưu văn hóa rộng rãi với nhiều quốc gia khác nhau... đã làm cho kho tàng lễ hội truyền thống Việt Nam trở nên dày dặn và vô giá. Đó chính là nguồn cảm hứng bất tận, kho tài nguyên quý báu cho mọi sáng tạo nghệ thuật đương đại. Một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chắc chắn phải dựa trên một truyền thống dày dặn, phong phú. Lễ hội truyền thống cung cấp cho chúng ta nguồn tài nguyên bất tận cho mọi loại hình nghệ thuật hôm nay. Trên hiện thực quý báu đó, việc nghệ

thuật Việt Nam có thể trình diễn một bản sắc riêng biệt trước thế giới tùy thuộc vào tài năng, vào ý thức của văn nghệ sĩ và đường lối văn nghệ của Đảng và Nhà nước ta.

Điều này càng quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay: khi mà sự nghiệp bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, thì làng xã và lễ hội Việt Nam sẽ gánh một phần trách nhiệm lớn lao là nơi bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

3. ĐÔI NÉT VỀ BẢO TỒN CÁC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Có thể nói rằng, không một chính thể nào, không một tôn giáo nào, không một tư tưởng nào lại cắt đứt với truyền thống. Quá khứ - hiện tại - tương lai là một sự tiếp nối tự nhiên và bất tận. Mỗi một dân tộc, quốc gia, mỗi một nền văn hóa trên toàn cầu đóng góp cho nhân loại những giá trị văn hóa đặc sắc của quốc gia, dân tộc mình. Về văn hóa, nhân loại cần sự đa sắc màu. Không có bản sắc khác nhau thì không có khái niệm văn hóa. Con người đến với con người là đang hiến cho nhau một sự khác biệt văn hóa để sự hòa hợp, hòa nhập được phong phú và vĩnh viễn, trường tồn. Lễ hội là một kho tàng văn hóa quý giá của nhân loại. Sự giàu có của lễ hội truyền thống Việt Nam đóng góp cho kho tàng nhân loại bản sắc độc

đáo của mình. Nhiều lễ hội truyền thống của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại. Bảo tồn, phát huy, phát triển, truyền bá, giao lưu là nghĩa vụ, là trách nhiệm của Việt Nam trong việc bảo vệ một thể giới vận hành đa dạng văn hóa.

Những lễ hội truyền thống được phục hồi mạnh mẽ từ thời kỳ đổi mới (1986) như một tín hiệu tốt đẹp của việc phát triển đất nước, đặc biệt là phát triển văn hóa trong bối cảnh hòa bình, hội nhập. Những năm qua, khi đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng cao. Do vậy, tham gia lễ hội càng trở thành nhu cầu tinh thần không thể thiếu. Nếu biết khai thác văn hóa truyền thống thì không chỉ chúng ta làm giàu cho văn hóa Việt Nam đương đại mà còn góp phần quảng bá văn hóa Việt ra thế giới. Chính sách văn hóa đã được đổi mới, thiết chế văn hóa được cải thiện, hạ tầng văn hóa truyền thống được phục hồi. Cùng với sự tự nguyện góp công, góp sức của toàn xã hội, không gian lễ hội từng bước bùng lên trên khắp mọi miền đất nước, đáp ứng nhu cầu phong phú về đời sống tinh thần, nhu cầu về tự do tín ngưỡng của nhân dân. Những năm gần đây, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của nước ta, văn hóa truyền thống nói chung, trong đó

có lễ hội truyền thống đã được phục hồi và phát huy, làm phong phú cho đời sống văn hóa của Việt Nam.

Một số mặt đã làm được trong công tác bảo tồn lễ hội những năm qua

Trước hết, trong những năm qua, công tác tổ chức và quản lý lễ hội ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ tư duy nhận thức của các cấp lãnh đạo và toàn xã hội, từ việc ban hành và thực thi các văn bản quản lý nhà nước (Nghị định số: 110/2018/NĐ-CP, Nghị định số: 39/2024/NĐ-CP)⁽²⁾, công tác thanh tra, kiểm tra lễ hội cho đến việc phục hồi và phát huy có hiệu quả nhiều lễ hội truyền thống, đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Hầu hết các lễ hội quy mô quốc gia đến các lễ hội quy mô làng, xã đều được tổ chức trang trọng, linh thiêng và thành kính. Chương trình tham gia phần hội phong phú hấp dẫn, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc theo xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm. Văn hóa dân gian, trong đó diễn xướng dân gian, dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc đã giúp quảng bá, giới thiệu những giá trị văn hóa độc đáo của các dân tộc Việt Nam.

Mặt khác, việc tổ chức lễ hội dân gian đã kết hợp gắn kết các hoạt động văn hóa, thể thao truyền thống với quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và mỹ tục lâu đời, độc đáo của dân tộc ta, khẳng

định bản lĩnh, trí tuệ, tâm thức hướng về nguồn cội của cộng đồng. Đồng thời, các sinh hoạt lễ hội truyền thống đã góp phần giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng, nâng cao vẻ đẹp của các tín ngưỡng, tôn giáo.

Do phát huy vai trò chủ thể của người dân, hoạt động lễ hội đã được xã hội hóa rộng rãi, huy động được nguồn lực lớn từ nhân dân, nguồn tài trợ, cung tiến ngày càng tăng, nguồn thu qua công đức, lệ phí, dịch vụ phần lớn đã được sử dụng cho trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, tổ chức lễ hội đã và đang góp phần bảo tồn các phong tục, tập quán truyền thống và hoạt động phúc lợi công cộng.

Thêm vào đó lễ hội, đã và đang tạo lập môi trường thuận lợi để nhân dân thể hiện vai trò chủ thể của mình, chủ động tổ chức, chủ động sáng tạo, đóng góp sức người sức của cho các lễ hội truyền thống, nâng cao trách nhiệm của tổ chức cá nhân và cộng đồng trong tham gia hoạt động lễ hội, phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp nhân dân.

Với tư cách là tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt, bản thân các lễ hội truyền thống hay việc tổ chức các lễ hội truyền thống kết hợp phát triển du lịch là mô hình mới được hình thành những năm gần đây và đang trên đà phát triển mạnh, đem lại những hiệu quả văn hóa và kinh tế thiết thực, đúng như những

hóa, Thể thao và Du lịch tại Hội nghị triển khai công tác văn hóa, thể thao và du lịch: "Hoạt động lễ hội đã thực sự trở thành hoạt động văn hóa du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế".

Một số hạn chế

Bên cạnh những điều đáng mừng trên, quan sát bức tranh lễ hội truyền thống hiện nay, đâu đó vẫn còn đó những lo lắng, băn khoăn. Sau một thời gian dài, do chiến tranh, hoặc do quan niệm ấu trĩ, sai lầm dẫn đến lễ hội mai một, nay phục hưng trở lại, do vậy khó tránh khỏi khiếm khuyết; công tác tổ chức và quản lý lễ hội đã và đang nảy sinh nhiều bất cập, hạn chế. Tình hình đó được phản ánh thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại nhiều hội nghị, hội thảo cho đến cả nghị trường của Quốc hội. Có thể khái quát thành bốn hiện tượng đáng cảnh báo như sau:

Một là, đơn điệu hóa lễ hội

Văn hóa nói chung cũng như lễ hội nói riêng rất đa dạng. Cùng là lễ hội, nhưng mỗi vùng miền, thậm chí mỗi làng có nét riêng, theo kiểu người xưa nói "Chiêng làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ". Hay người xưa khi nói về những nét riêng của lễ hội từng làng của Xứ Đoài thì đã có câu ca:

*Bơi Đầm, Rước Giá, Hội Thầy
Vui thì vui vậy, chẳng tầy rã La*

Như vậy, mỗi lễ hội đều có cốt cách, sắc thái riêng, cuốn hút khách thập

phương đến với lễ hội làng mình. Tuy nhiên, ngày nay, lễ hội đang đứng trước nguy cơ nhất thể hóa, đơn điệu hóa, hội làng nào, vùng nào cũng náo nức nhau, làm mất đi tính đa dạng của lễ hội, khách thập phương sau một vài lần dự hội thì cảm thấy nhàm chán và không còn hứng thú đi chơi hội nữa.

Hai là, trần tục hóa lễ hội

Lễ hội gắn với tín ngưỡng dân gian, thuộc về đời sống tâm linh mang "tính thiêng". Tính thiêng được biểu hiện ở những hình thức khác nhau. Lễ hội truyền thống này mầm, bén rễ từ đời sống hiện thực, trần tục nhưng là sự thăng hoa từ đời sống hiện thực và trần tục ấy. "Ngôn ngữ" biểu hiện của lễ hội là ngôn ngữ biểu tượng.

Ngày nay, khi phục hồi và phát triển lễ hội, do chưa nắm được ý nghĩa thiêng liêng, đặc biệt là cách diễn đạt theo cách "biểu trưng", "biểu tượng" của người xưa, nên lễ hội bị trần tục hóa, tức nó không còn giữ được tính thiêng, tính thăng hoa và ngôn ngữ biểu tượng của lễ hội và như vậy nhiều lễ hội đã không còn ý nghĩa như ban đầu.

Ba là, quan phương hóa lễ hội

Văn hóa nói chung, trong đó có sinh hoạt lễ hội là sáng tạo của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Đó là cách thức mà người dân nói lên những mong ước, khát vọng tâm linh, thỏa mãn nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của mình. Do vậy, từ bao đời nay, người dân bỏ công sức, tiền của và tâm sức để sáng tạo và duy trì sinh hoạt lễ hội. Đó chính là tính nhân bản,

khát vọng dân chủ của người dân, khác với các nghi thức, lễ lạt của triều đình phong kiến trước kia.

Trong việc phục hồi và phát huy lễ hội truyền thống hiện nay, dưới danh nghĩa là đổi mới lễ hội, gắn lễ hội với giáo dục truyền thống, gắn lễ hội với du lịch... ở nhiều nơi và ở những mức độ khác nhau đang diễn ra xu hướng quan phương hóa, làm cho tính chủ động, sáng tạo của người dân bị suy giảm, thậm chí còn bị gạt ra ngoài sinh hoạt văn hóa mà vốn xưa là của họ, do họ và vì họ. Chính xu hướng này khiến cho lễ hội mang nặng tính hình thức, phô trương, và hệ quả là vừa tác động tiêu cực tới chủ thể văn hóa, vừa khiến cho du khách hiểu sai lệch về nền văn hóa dân tộc.

Bên cạnh đó, cũng phải kể đến những hành vi thực hành tín ngưỡng thiếu chuẩn mực của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong lễ hội và sự thiếu gương mẫu của họ trong việc chấp hành các quy định về công tác quản lý và tổ chức lễ hội. Những khuyết điểm này nếu không được ngăn chặn, xử lý kịp thời sẽ làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, băng hoại thuần phong mỹ tục, gây cản trở đến việc xây dựng, phát triển con người và văn hóa Việt Nam, đồng thời tác động không thuận đến công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thực chất, việc đi lễ hội để tìm về cội nguồn, tìm hiểu truyền thống, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của mình là một nét văn hóa lâu đời của người Việt, trong đó có cán bộ, đảng

viên. Tuy vậy, đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, xét ở một góc độ nào đó đều là "diện mạo của quốc gia, của địa phương, của ngành", cho nên cần cần trọng, chuẩn mực trong các hành vi thực hành tín ngưỡng ở lễ hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh (2004, tập 5: 240) từng khẳng định: "Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Vì vậy, có thể nói rằng, mọi hoạt động lễ hội ở nước ta có bảo đảm lành mạnh, văn minh, an toàn và có bảo tồn, phát huy được những nét đẹp văn hóa hay không, điều đó phụ thuộc rất lớn vào ý thức, thái độ, trách nhiệm, hành vi nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp trong việc thực hiện, tuân thủ, chấp hành nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác quản lý và tổ chức lễ hội.

Bốn là, thương mại hóa lễ hội

Cần phân biệt giữa hoạt động mua bán trong lễ hội và việc thương mại hóa lễ hội. Từ xa xưa, trong lễ hội không thể thiếu việc mua bán các sản phẩm đặc sản của địa phương, các món ăn đặc sản. Hội chợ Viềng ở Nam Định và các hội chợ vùng núi là hiện tượng điển hình. Các hoạt động mua bán đó vừa mang ý nghĩa văn hóa, phong tục "mua may bán rủi", vừa quảng bá các sản phẩm địa phương, mang lại những thu nhập đáng kể cho một số ngành nghề ở địa phương. Đó là các hoạt động rất đáng khuyến khích. Song bên cạnh đó, chợ Viềng ngày nay cũng bắt đầu có tính

thương mại hóa. Trong chợ hàng cổ thì ít, hàng nhái, hàng kém chất lượng thì tràn lan. Vốn dĩ đi chợ Viềng mang ý nghĩa là phiên chợ cầu may mắn, bình an, hạnh phúc với tâm lý "mua may, bán rủi", người bán không nói thách, người mua cũng không mặc cả... Nay giá cả các mặt hàng, dịch vụ ở chợ Viềng vô tội vạ, không hiện tượng giá cả bất hợp lý... Và hẳn không ít người bức bối vì chưa đến chợ đã phải chịu cảnh tắc đường, mua thứ gì hoặc gửi cái xe cũng lo bị 'chặt chém'... Ngoài ra, còn tình trạng ăn xin, trộm cắp, móc túi..., những nơi thờ tự gắn liền với chợ Viềng, tình trạng chen lấn, xô đẩy dễ dàng lễ; tiền cung tiền "bạ đâu đặt đó"... làm mất đi tính trang nghiêm, thành kính ở nơi thờ tự...(xem thêm báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015; L.C, 2020; Công Luật, 2024).

Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế thị trường nhanh chóng có khi làm cho vấn đề cạnh tranh quyền lợi trở nên quyết liệt. Cùng với xu hướng phục hồi và phát triển lễ hội hiện nay không ít các hoạt động mang tính "thương mại hóa", lợi dụng lễ hội để thu lợi bất chính, ép buộc, bắt chẹt người đi trải nghiệm, lợi dụng tín ngưỡng trong lễ hội để "buôn thần bán thánh" theo kiểu "đặt lễ thuê", "khán vái thuê", bói toán, đặt các "hòm công đức" tràn lan, đáng lo ngại nhất là tạo dựng các "di tích mới" trong các lễ hội lớn để thu tiền như trong lễ hội Chùa Hương, Bà Chúa Kho... Cũng không phải không có một số "tổ chức" mệnh danh là

quản lý lễ hội, hoạt động du lịch để bán vé thu tiền một cách bất chính đối với khách trải hội. Những hoạt động thương mại này đi ngược lại tính linh thiêng, tính nhân văn của lễ hội, đẩy lễ hội rớt xuống mức thấp nhất của đời sống trần tục. Người ta đến với lễ hội mà chỉ để cầu tài, cầu lộc, cầu may, mua may bằng mọi giá (kể cả việc ném tiền xuống nước bẩn) mà bỏ quên sự thành kính, sự dọn mình để hóa thân, tinh thần hòa nhập trong thánh thần. Khi tính thiêng bị triệt tiêu thì tính cộng cảm và cộng đồng tốt đẹp trong lễ hội cũng mất theo.

4. ĐỀ XUẤT GÓP PHẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Từ phân tích trên, phạm vi bài viết này chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất nhằm bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống trong giai đoạn hiện nay như sau:

Thứ nhất, tạo sự chuyển biến nhận thức của các ban, ngành, đoàn thể các cấp, về nội dung và ý nghĩa hoạt động lễ hội; chú trọng tuyên truyền các giá trị lịch sử văn hóa cũng như những quy định của pháp luật có liên quan, kịp thời chỉ đạo và uốn nắn các biểu hiện lệch lạc, làm cho việc tổ chức lễ hội ngày càng văn minh, thực sự trở thành ngày hội văn hóa của nhân dân, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cần nhận thức sự biến đổi của lễ hội truyền thống cũng như xuất

hiện nhiều loại hình tổ chức sự kiện mới là một yếu tố khách quan trong đời sống văn hóa hiện nay. Ở lĩnh vực này cần bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn trên cơ sở lý luận về quản lý văn hóa. Trong đó cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò chủ thể của cộng đồng người dân tổ chức lễ hội. Người dân phải được tham gia các quá trình tổ chức lễ hội, phải được trao quyền tổ chức lễ hội hiệu quả. Đồng thời cũng không coi nhẹ việc quản lý của nhà nước đối với lễ hội.

Thứ hai, đẩy mạnh nghiên cứu xu hướng biến đổi của lễ hội truyền thống, đồng thời tiến hành rà soát, phân loại lễ hội, tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu để việc tổ chức lễ hội ngày càng khoa học, có ý nghĩa. Trong đó, cũng cần phân loại các loại hình lễ hội truyền thống theo chức năng, hoặc theo quy mô lễ hội (như lễ hội cấp thôn làng, lễ hội vùng, lễ hội liên vùng, liên tỉnh, quốc gia), đặc biệt coi trọng tính đặc thù, tính độc đáo riêng của mỗi loại hình lễ hội, tránh làm đồng loạt dẫn đến sự nhàm chán. Phải bằng mọi cách khôi phục, giữ lại nét riêng của mỗi lễ hội, gắn với truyền thống của mỗi vùng, miền khu vực.

Thứ ba, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần tổng kết thực tiễn, hội thảo tranh thủ ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học để ban hành bản quy chế quản lý lễ hội thay cho quy chế quản lý lễ hội cũ đã có nhiều điểm bất cập. Hiện nay cơ quan quản lý nhà nước đã có một số văn bản mang

tính quy phạm pháp luật như: Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội ban hành theo quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ hoặc Thông tư số 04/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Các văn bản này bước đầu đã đề cập những vấn đề quản lý mới nhưng riêng về lễ hội vẫn còn nhiều yếu tố chưa sát tình hình, chưa bao quát được các tình huống, chưa hướng dẫn các chế tài xử phạt hoặc một số điểm còn bất hợp lý, không đi vào thực tiễn. Đồng thời, cần phân biệt giữa lễ hội truyền thống đang biến đổi và các loại lễ hội mới, các sự kiện festival mới hình thành và du nhập để có các quy định quản lý phù hợp.

Thứ tư, đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức bộ máy quản lý lễ hội: Hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp văn hóa nghệ thuật du lịch các tỉnh cần có chương trình giảng dạy về việc tổ chức quản lý lễ hội, nhằm đào tạo các cán bộ quản lý văn hóa có trình độ và khả năng quản lý lễ hội, xử lý đúng các tình huống xảy ra trong công tác quản lý ở địa phương. Thực tế cũng cho thấy, để các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, các ban quản lý di tích, điều hành lễ hội hoạt động đúng vai trò, chức trách, rất cần thiết phải chú trọng sinh hoạt tư tưởng, bồi dưỡng nhận thức và tri thức vừa bằng tự học, vừa bằng các hình thức tổ chức khóa lớp bài bản.

Cục Văn hóa cơ sở cần thành lập phòng quản lý lễ hội và tổ chức sự kiện. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều có tổ hoặc chuyên viên có chuyên môn sâu về quản lý lễ hội và tổ chức sự kiện. Kinh nghiệm thực tiễn ở các địa phương đã chỉ rõ vấn đề tổ chức lễ hội thành công hay không, có thể hạn chế được những tiêu cực hay không đều phụ thuộc phần lớn ở ban tổ chức. Ban tổ chức lễ hội (và tổ chức các sự kiện) đóng một vai trò rất quan trọng, không thể thiếu trong tổ chức lễ hội, vì thế dù là lễ hội của thôn làng hay lễ hội quốc gia đều cần phải có ban tổ chức. Tuy nhiên ban tổ chức cũng cần đề cao vai trò tự quản của người dân, tôn trọng cộng đồng, thu hút được toàn dân tham gia vào việc tổ chức, quản lý lễ hội. Phải hết sức tránh tình trạng coi việc tổ chức lễ hội là nhiệm vụ của các cấp chính quyền hoặc nhiệm vụ của ban tổ chức mà quên mất vai trò chủ chốt của người dân địa phương.

Thứ năm, Cục Văn hóa cơ sở, Hội Di sản, Hội Văn nghệ Dân gian, Viện Khoa học xã hội... cần tổ chức nhiều hội thảo khoa học để bàn về quản lý lễ hội hiệu quả. Trong điều kiện các lễ hội đều có xu hướng biến đổi hoặc thích nghi với đời sống đương đại hoặc xuất hiện nhiều loại hình mới chưa từng có trước đây thì yêu cầu nghiên cứu thực tiễn một cách khoa học, tổng kết thành lý luận về loại hình lễ hội này là một yêu cầu cấp bách.

Thứ sáu, khuyến khích các nhà đầu tư, đa dạng hóa các nguồn đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nhất là kiều bào ta ở nước ngoài đầu tư, tôn tạo các di tích và tham gia hoạt động tổ chức lễ hội truyền thống lớn để hướng đồng bào về với nguồn cội, tổ tiên. Sử dụng nguồn thu từ lễ hội đúng mục đích, phục vụ tốt công tác bảo tồn di tích và hoạt động lễ hội với phương châm tổ chức lễ hội vừa tiết kiệm, vừa có ý nghĩa sâu sắc.

5. KẾT LUẬN

Tựu trung, lễ hội truyền thống là một sinh hoạt văn hóa đặc biệt, có sức sống từ ngàn đời nay, chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội. Lễ hội truyền thống đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của dân tộc ta trong quá khứ và trong hiện tại, giúp cho con người vượt qua tính vị kỷ cá nhân hướng về đoàn kết cộng đồng, với đầy đủ sự sáng tạo và nhằm vào hướng thụ văn hóa chân chính. Lễ hội vốn chứa đựng nhiều dấu ấn về bản sắc văn hóa của dân tộc và điểm tối thượng của lễ hội truyền thống là hướng con người đến tinh thần yêu nước. Nhận thức, đánh giá

đúng lễ hội truyền thống và bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống là hết sức cần thiết. Phải giữ gìn lễ hội luôn là một biểu trưng hình thái xã hội mang đậm giá trị văn hóa dân tộc Việt.

Tuy nhiên, những vấn đề liên quan đến lễ hội truyền thống, như niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của con người vốn là vấn đề nhạy cảm, luôn tồn tại, đồng hành trong đời sống văn hóa tinh thần của mỗi cá nhân, gia đình và cả cộng đồng dân tộc. Muốn đưa lễ hội vào nền nếp trong tổ chức mà vẫn bảo đảm đáp ứng nhu cầu tình cảm hướng thiện của nhân dân, đòi hỏi phải có sự vào cuộc quyết liệt, kiên trì, bền bỉ của toàn xã hội. Ứng xử với lễ hội làm sao vừa thấu tình, đạt lý, vừa mang lại những lợi ích chung cho cộng đồng, vừa thỏa mãn tâm lý, ước vọng tích cực của cá nhân, là mong muốn của Đảng, Nhà nước ta. Với ý nghĩa đó, việc Đảng ban hành các chỉ thị, quy định về lễ hội cũng không ngoài mục đích nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị tốt đẹp của lễ hội truyền thống, qua đó góp phần xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và môi trường văn hóa lành mạnh cho đất nước. □

CHÚ THÍCH

(1) Theo https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%85_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam#

(2) Xem thêm: Nghị định số: 110/2018/NĐ-CP: "Nghị định quy định về quản lý và tổ chức lễ hội" và Nghị định số: 39/2024/NĐ-CP: "Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia".

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo điện tử Đảng cộng Sản Việt Nam. 2015. "Đôi điều suy ngẫm về chợ Viềng". <https://dangcongsan.vn/ban-doc/y-kien-ban-doc/doi-dieu-suy-ngam-ve-cho-vieng-292123.html>, truy cập ngày 27/02/2015.
2. Chính phủ. 2018. *Nghị định số 110/2018/NĐ-CP* ngày 29/8/2018 Quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Hà Nội.
3. Chính phủ. 2024. *Nghị định số 39/2024/NĐ-CP* ngày 16/4/2024 Quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hà Nội.
4. Công Luật. 2024. "Tấp nập phiên chợ 'mua may, bán rui'". <https://chinhsachcuocso ng.vnnet.vn/tap-nap-phien-cho-mua-may-ban-rui/34568.html>, truy cập ngày 16/02/2024.
5. Đình Gia Khánh. 1989. *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Dương Thị Hồng Nhung. 2021. "Khai thác nét đẹp văn hóa dân tộc thông qua các lễ hội truyền thống Việt Nam để phát triển du lịch". <https://dangcongsan.vn/van-hoa-vung-sau-vung-xa-bien-gioi-hai-dao-vung-dan-toc-thieu-so/khat-vong-vuon-len/khai-thac-net-dep-van-hoa-dan-toc-thong-qua-cac-le-hoi-truyen-thong-viet-nam-de-phat-trien-du-lich-597524.html>, truy cập ngày 22/11/2021.
7. Hồ Chí Minh. 2004. *Toàn tập* – Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. L.C. 2020. "Kinh nghiệm đi chợ Viềng Nam Định để "mua may bán rui" đầu năm" <https://laodong.vn/van-hoa/kinh-nghiem-di-cho-vieng-nam-dinh-de-mua-may-ban-rui-dau-nam-781309.lido>, truy cập ngày 31/01/2020.
9. Thu Phương. 2024. "Bùi Hoài Sơn: Cần có các giải pháp đảm bảo lễ hội truyền thống giữ gìn được bản sắc". <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=84861>, truy cập ngày 22/10/2024.
10. Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2006. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.